

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG VÀ CO₂ RỪNG

Nguyễn Hoàng Tiệp¹, Võ Đại Hải², Đặng Thịnh Triều³

¹*Văn phòng chứng chỉ quản lý rừng bền vững*

²*Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam*

³*Viện Nghiên cứu Lâm sinh*

TÓM TẮT

Rừng và môi trường rừng có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu của Việt Nam. Trong thời gian qua, Việt Nam đã từng bước xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường rừng, trong đó có 2 Luật, 4 Nghị định của Chính phủ, 9 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 3 Quyết định của các bộ, ngành, 5 Thông tư hướng dẫn. Các văn bản quy phạm pháp luật này đã đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp tới các vấn đề về môi trường, môi trường rừng, chỉ số môi trường và CO₂ rừng, góp phần tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai các nhiệm vụ có liên quan trong thực tiễn. Tuy nhiên, hệ thống các chỉ số đề cập còn khá phân tán và chưa đầy đủ, đặc biệt là các chỉ số về carbon và CO₂ rừng, vì vậy cần thiết phải rà soát và đánh giá lại, nghiên cứu và tổng kết thêm kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn sản xuất để hoàn thiện bộ chỉ số môi trường và CO₂ rừng đưa vào áp dụng.

Từ khóa: Môi trường rừng, chỉ số môi trường rừng, chỉ số carbon/CO₂ rừng, văn bản quy phạm pháp luật

ANALYSIS AND ASSESSMENT OF THE CURRENT LEGAL DOCUMENTS ON FOREST ENVIRONMENTAL AND CO₂ INDICATORS

Nguyen Hoang Tiep¹, Vo Dai Hai², Dang Thinh Trieu³

¹*Vietnam Forest Certification Office*

²*Vietnamese Academy of Forest Sciences*

³*Silviculture Research Institute*

SUMMARY

Forests and the forest environment have significance and an important role in Vietnam's sustainable development strategy and adaptation to climate change. In recent times, Vietnam has been developed a bunch of legal documents related to forest environment, including 2 Laws, 4 Government Decrees, 9 Decisions of the Prime Minister, 3 Decisions of ministries and 5 Guidance circulars. These legal documents have directly or indirectly mentioned environmental issues, forest environment, environmental indicators and forest CO₂ indicator, contributing to creating a legal background for the implementation of relevant activities. However, the indicators are scattered and incomplete, especially forest carbon and CO₂ indicators, therefore, it is necessary to review these indicators as well as learning from international experience and from field practice to develop the environmental and forest CO₂ indicators for application.

Keywords: Forest environment, forest environment indicators, forest carbon indicators/CO₂ indicators, legal document.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên rừng có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường quốc gia và ứng phó với biến đổi khí hậu. Điều này đã được khẳng định trong các báo cáo của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước, trong đó có Việt Nam. Trong thời gian gần đây, các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ, chống mất rừng và suy thoái rừng. Các chỉ số môi trường rừng đã được xây dựng và tích hợp vào trong các chương trình phát triển của Liên hợp quốc, của các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới. Các chỉ số môi trường được xây dựng nhằm cung cấp thực trạng và thông tin cần thiết phục vụ cho việc hoạch định chính sách chiến lược quốc gia về môi trường, kinh tế - xã hội cũng như xác định các giải pháp cụ thể chống mất rừng và suy thoái rừng.

Trong những năm gần đây, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về môi trường nói chung và về môi trường rừng nói riêng cũng đã được xây dựng khá đồng bộ và đầy đủ, trong đó đã đề cập đến những vấn đề quan trọng của môi trường rừng và chỉ số môi trường rừng như: Luật Bảo vệ môi trường (2020), Luật Lâm nghiệp (2017) và các nghị định của Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành có liên quan. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật này đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để triển khai các chính sách về môi trường rừng, ứng dụng các chỉ số môi trường, CO₂ rừng vào trong thực tiễn. Tuy nhiên, đây là những vấn đề khá mới, đặc biệt là các chỉ số môi trường rừng, CO₂ rừng, nên rất cần phải rà soát và đánh giá lại một cách hệ thống nhằm định hướng cho việc xây dựng các chỉ số này một cách đầy đủ ở Việt Nam.

Chuyên đề: “Rà soát các quy định của pháp luật Việt Nam hiện có về chỉ số môi trường và CO₂ rừng” được thực hiện theo kế hoạch năm 2024 của nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: “*Nghiên cứu đề xuất bộ chỉ số môi trường rừng, chỉ số CO₂ và xây dựng cơ chế chính sách đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon rừng*” nhằm phân tích và đánh giá những mặt đã đạt được và những khoảng trống về các chỉ số môi trường và CO₂ rừng, làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện các chỉ số này ở Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiến hành thu thập các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (các văn bản vẫn còn hiệu lực) liên quan đến chỉ số môi trường rừng và CO₂ rừng ở Việt Nam, bao gồm:

- Các luật.
- Nghị định của Chính phủ.
- Quyết định của Thủ tướng chính phủ và của các bộ, ngành có liên quan.
- Các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành.

Phân tích và đánh giá các những mặt đã đạt được và những khoảng trống, tồn tại của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chỉ số môi trường và CO₂ rừng ở Việt Nam, từ đó xây dựng định hướng các chỉ số môi trường rừng và CO₂ rừng ở Việt Nam.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Rà soát, thu thập các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về chỉ số môi trường rừng và CO₂ rừng

Kết quả rà soát và thu thập các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy có tổng số 23 văn bản có liên quan đến môi trường rừng và chỉ số môi trường/CO₂ rừng, cụ thể bao gồm:

- 02 Luật;
- 04 Nghị định;

- 09 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- 03 Quyết định của các bộ, ngành;
- 05 Thông tư hướng dẫn.

Các văn bản quy phạm pháp luật này được ban hành từ năm 2016 đến nay và vẫn đang còn hiệu lực.

3.2. Phân tích và đánh giá những mặt đã đạt được, khoảng trống và tồn tại của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chỉ số môi trường và CO₂ rừng ở Việt Nam

Kết quả phân tích các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chỉ số môi trường và CO₂ rừng được tổng hợp ở bảng 1.

Bảng 1. Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chỉ số môi trường và CO₂ rừng

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
1	Luật Lâm nghiệp (2017).	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm kê rừng: Kiểm kê rừng thực hiện theo cấp chính quyền gắn với chủ quản lý cụ thể trên phạm vi toàn quốc để xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng. - Cơ sở dữ liệu rừng: Cơ sở dữ liệu về điều tra rừng, kiểm kê rừng, diễn biến rừng, kết quả giảm phát thải khí nhà kính liên quan đến rừng. - Các loại dịch vụ môi trường rừng: 1) Bảo vệ đất, chống xói mòn; 2) Điều tiết, duy trì nguồn nước; 3) Hấp thụ và lưu giữ carbon; 4) Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng; 5) Cung ứng bãi đỗ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước từ rừng và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 34. - Điều 36. - Điều 61
2	Luật Bảo vệ môi trường (2020).	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. - Điều 91 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính: Tổ chức và phát triển thị trường carbon trong nước. - Bảo vệ tầng ozon. - Tổ chức và phát triển thị trường carbon. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, Điều 3. - Điểm đ, khoản 2. - Điều 92. - Điều 139.
3	Nghị định 2053/2016/NĐ-CP ngày 28/10/2016 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.	<p>* Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) giai đoạn 2021 - 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện kiểm kê KNK phục vụ xây dựng các báo cáo quốc gia theo quy định của Thỏa thuận Paris và đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ. + Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ. <p>* Nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ bắt buộc thực hiện. - Nhiệm vụ bắt buộc thực hiện. - Nhiệm vụ ưu tiên tiếp tục thực hiện.

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
		<p>* Nhiệm vụ Thiết lập Hệ thống MRV: cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực nông nghiệp và cho lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF).</p>	<p>- Loại nhiệm vụ bắt buộc thực hiện.</p>
4	<p>Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường rừng là một bộ phận của hệ sinh thái rừng, bao gồm: đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng và các yếu tố vật chất khác tạo nên cảnh quan rừng. - Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững được quốc tế công nhận hoặc Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững do Bộ NN&PTNT ban hành theo quy định tại khoản 4, Điều 28 của Luật Lâm nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 8, Điều 3. - Khoản 3, điều 34.
5	<p>Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 7/01/2022 của Chính phủ Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lộ trình triển khai thị trường carbon trong nước đến hết năm 2027: i) Xây dựng quy định quản lý tín chỉ carbon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon; ii) Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế. - Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ carbon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường carbon. - Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ carbon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường carbon. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, điều 17. - Khoản 1, điều 21. - Khoản 2, điều 21.
6	<p>Nghị định 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung bộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế chuyển giao lại cho Bộ NN&PTNT khoảng 95% lượng giảm phát thải ký kết và lượng bổ sung (nếu có) để sử dụng cho Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam. - Lượng giảm phát thải ký kết 10,3 triệu tấn CO₂ và lượng giảm phát thải bổ sung tối đa 5 triệu tấn CO₂ (nếu có). - Loại rừng được chi trả là rừng tự nhiên thuộc 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính được tạo ra do các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng từ năm 2018 đến năm 2024. - Thực hiện chuyển nhượng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.
7	<p>Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng carbon và quản lý bền</p>	<p>- Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2030: Ổn định <i>diện tích rừng tự nhiên</i> đến 2030 ít nhất bằng diện tích đã đạt được tại năm 2020 và tăng độ che phủ rừng toàn quốc lên 45%, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia đến năm 2030 giảm 8% <i>tổng lượng phát thải khí nhà kính</i> so với kịch bản phát triển thông thường (BAU) theo cam kết tại Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, mức đóng góp có thể tăng lên 25% khi nhận được hỗ trợ quốc tế.</p>	

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
	vững tài nguyên rừng đến năm 2030.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống Tiêu chuẩn Quốc gia về chứng chỉ rừng; quy định về điều tra, đánh giá, theo dõi diễn biến carbon rừng, đánh giá mức độ hấp thụ và lưu trữ carbon rừng. - Xây dựng Hệ thống chỉ số, khung giám sát và đánh giá Chương trình REDD+ thực hiện theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các giải pháp thực hiện - Các giải pháp thực hiện
8	Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu 13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai. - Mục tiêu 15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất. - Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu các mục tiêu phát triển bền vững, cơ chế thu thập thông tin dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 mục tiêu cụ thể, từ 13.1 - 13.3. - Có 8 mục tiêu cụ thể, từ 15.1 - 15.8 - Thuộc nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 2021 - 2030.
9	Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Chính phủ Phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng.	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái và các giá trị dịch vụ môi trường rừng; thúc đẩy cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới về nguồn gỗ hợp pháp. - Toàn bộ các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp hiện đang quản lý 7.216.889 ha rừng hoàn thành việc xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững. - Giai đoạn 2020 - 2030: Xây dựng và tổ chức cấp chứng chỉ rừng cho 1.000.000 ha rừng trồng sản xuất, phòng hộ của các tổ chức, hộ gia đình và ban quản lý rừng phòng hộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng về thực hiện QLRBV. - Định hướng về cấp chứng chỉ QLRBV.
10	Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 0,5 triệu ha giai đoạn 2021 - 2025, trên 01 triệu ha giai đoạn 2026 - 2030. - Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc ổn định ở mức từ 42 - 43%. - Đến năm 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững. - Giai đoạn 2021 - 2025 có 10% và giai đoạn 2026 - 2030 có 20% diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cụ thể về kinh tế. - Mục tiêu về môi trường. - Mục tiêu về môi trường. - Mục tiêu về môi trường.
11	Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đến năm 2030: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014. - Mục tiêu đến năm 2050: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014. - Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP. - Thuộc mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP.

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
		<p>* Định hướng phát triển các ngành:</p> <p>i) Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.</p> <p>ii) Phục hồi và tăng tích lũy carbon trong các bể chứa tự nhiên (đất nông lâm nghiệp và rừng), điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến, thiết lập hệ thống giám sát tài nguyên rừng.</p>	<p>- Thuộc mục tiêu xanh hóa các ngành.</p>
12	<p>Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.</p>	<p>- <i>Lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính:</i> Lâm nghiệp và thay đổi sử dụng đất.</p> <p>- Ban hành Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành công thương (Phụ lục II); ngành giao thông vận tải (Phụ lục III); ngành xây dựng (Phụ lục IV); ngành tài nguyên và môi trường tại (Phụ lục V).</p>	<p>- Tổng số có 21 lĩnh vực phải kiểm kê khí nhà kính.</p>
13	<p>Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.</p>	<p>Hoạt động 1.2.1: Xây dựng, hướng dẫn, triển khai hệ thống chỉ tiêu thống kê về tăng trưởng xanh (Lộ trình thực hiện Nhóm A).</p>	<p>Thuộc nhiệm vụ 1.2: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế.</p>
14	<p>Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.</p>	<p>- Bảo đảm độ che phủ rừng ít nhất 42%.</p> <p>- Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và đảm bảo lâm phận rừng quốc gia; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững.</p> <p>- Bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng “0”; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh.</p> <p>- Lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 90% lượng phát thải, tăng 30% lượng hấp thụ carbon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -185 triệu tấn CO₂.</p>	<p>- Mục tiêu đến năm 2030.</p> <p>- Mục tiêu đến năm 2050.</p> <p>- Mục tiêu đến năm 2050.</p> <p>- Mục tiêu đến năm 2050.</p>
15	<p>Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>- Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền phần đầu đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền; 70% khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đánh giá hiệu quả quản lý; các khu vực tự nhiên được quốc tế công nhận: 15 khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), 14 khu dự trữ sinh quyển, 15 vườn di sản ASEAN.</p> <p>- Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc duy trì ổn định từ 42 - 43%.</p> <p>- Phục hồi được ít nhất 20% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái.</p> <p>- Bảo tồn hiệu quả các loài hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; Không có thêm loài hoang dã bị tuyệt chủng.</p>	<p>Mục tiêu đến năm 2030.</p>

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
16	Quyết định 2782/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019 của Bộ TNMT ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số 19: Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp. - Chỉ số 20: Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá. <p>(Cả 2 chỉ số này đều thuộc nhóm Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các địa phương được thực hiện bằng hình thức tính điểm đối với các chỉ số thành phần của Bộ chỉ số. - Điểm đánh giá của các chỉ số thành phần được sử dụng để tính Chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương, viết tắt là PEPI (Provincial Environmental Protection Index). Điểm Chỉ số PEPI được sử dụng để đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các địa phương. 	<p>Tổng số có 27 chỉ số thuộc 2 nhóm:</p> <p>a) Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường.</p> <p>b) Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống.</p>
17	Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích trồng rừng sản xuất hàng năm. - Diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng hàng năm. - Diện tích rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh. - Tỷ lệ diện tích rừng trồng gỗ lớn so với diện tích rừng trồng sản xuất. - Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ. - Tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng. - Tỷ lệ diện tích rừng được trồng từ giống cây lâm nghiệp đã được công nhận. - Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Tỷ lệ che phủ rừng. - Số lượng cây xanh phân tán được trồng. - Trữ lượng rừng. - Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng. 	<p>Tổng số có 40 chỉ số, thuộc 17 nhóm.</p>
18	Quyết định 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính.	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính. - Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp trong đó có: <ul style="list-style-type: none"> i) Tỷ lệ carbon của sinh khối rừng trên mặt đất; ii) Hệ số mở rộng và chuyển đổi sinh khối (BCEFi) của rừng gỗ tự nhiên. Hệ số BCEFi của rừng tre nứa. Hệ số BCEFi của rừng hỗn giao. Hệ số BCEFi của rừng rừng ngập mặn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 1. - Tại Phụ lục III.
19	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ NN&PTNT Quy định về quản lý rừng bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ rừng có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại khoản 1, Điều 27 của Luật Lâm nghiệp. - Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững gồm 07 nguyên tắc, 34 tiêu chí và 122 chỉ số. Chi tiết Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục I. - Nguyên tắc 5. Quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp: Có 4 tiêu chí và 16 chỉ số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, Điều 3. - Điều 14.

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
20	Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NN&PTNT Quy định về Thống kê ngành lâm nghiệp.	Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành gồm tổng số 13 chỉ tiêu: - Diện tích rừng trồng mới tập trung. - Diện tích rừng trồng được chăm sóc. - Diện tích rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh. - Số lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán. - Số lượng cây giống lâm nghiệp. - Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ. - Diện tích rừng hiện có. - Diện tích rừng được bảo vệ. - Tình hình bảo vệ rừng. - Tỷ lệ che phủ rừng. - Tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng. - Số tiền chi trả cho chủ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng. - Diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.	Các chỉ tiêu thống kê ngành thuộc 5 nhóm chỉ tiêu: 1) Phát triển rừng (5 chỉ tiêu đầu). 2) Sản lượng gỗ và LSNG (1 chỉ tiêu tiếp theo). 3) Bảo vệ rừng (3 chỉ tiêu tiếp theo). 4) Tỷ lệ che phủ rừng (1 chỉ tiêu). 5) DVMTR (3 chỉ tiêu cuối).
21	Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT ngày 01/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh.	<p>* Mục tiêu 1: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP</p> - Cường độ phát thải khí nhà kính. - Tổng lượng phát thải khí nhà kính. <p>* Mục tiêu 2: Xanh hóa các ngành kinh tế</p> <p>VII. Lĩnh vực tài nguyên rừng</p> - Tỷ lệ che phủ rừng. - Tỷ lệ diện tích hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên. - Tỷ lệ diện tích hệ sinh thái rừng tự nhiên suy thoái được phục hồi. - Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.	- Lộ trình Nhóm A. - Lộ trình Nhóm A. - Công bố: hàng năm, lộ trình thực hiện nhóm A. - Lộ trình thực hiện Nhóm B. - Kỳ công bố 5 năm, lộ trình thực hiện Nhóm B. - Lộ trình thực hiện Nhóm A.
22	Thông tư 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp.	- Số liệu sử dụng để đo đạc kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính: a) Diện tích các trạng thái rừng; sản lượng khai thác gỗ, củi; diện tích rừng bị thiệt hại do cháy, thiên tai, sinh vật gây hại rừng; diện tích biến động giữa các trạng thái rừng; diện tích chuyển đổi đất có rừng sang các loại đất khác và ngược lại; b) Sinh khối trung bình của các trạng thái rừng; tăng trưởng sinh khối, trữ lượng gỗ trung bình hàng năm của các trạng thái rừng; c) Trữ lượng trung bình gỗ chết; sinh khối thảm khô - thảm mục của các trạng thái rừng; trữ lượng carbon trong đất; khối lượng vật liệu cháy.	

TT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các chỉ số liên quan đến môi trường rừng đã được quy định	Ghi chú
		<p>* Chỉ tiêu đo đạc kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:</p> <p>a) Lượng phát thải và lượng hấp thụ khí nhà kính do thay đổi trữ lượng carbon sinh khối;</p> <p>b) Lượng phát thải và lượng hấp thụ khí nhà kính do thay đổi trữ lượng carbon trong gỗ chết, thảm khô - thảm mục;</p> <p>c) Lượng phát thải và lượng hấp thụ khí nhà kính do thay đổi trữ lượng carbon trong đất;</p> <p>d) Lượng phát thải khí nhà kính do đốt sinh khối.</p> <p>* Các đối tượng kiểm kê lượng phát thải và lượng hấp thụ, gồm:</p> <p>a) Đất có rừng;</p> <p>b) Đất không có rừng chuyển đổi sang đất có rừng;</p> <p>c) Đất có rừng chuyển đổi sang đất không có rừng.</p>	
23	<p>Thông tư số 25/2023/TT-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thiết lập bộ dữ liệu lớp phủ mặt đất phục vụ tính toán phát thải khí nhà kính sử dụng dữ liệu viễn thám quang học.</p>	<p>- Đối tượng lớp phủ mặt đất phục vụ tính toán phát thải khí nhà kính được quy định gồm 6 loại lớp phủ mặt đất, trong đó có lớp phủ mặt đất là rừng.</p> <p>- Khoảng thời gian thiết lập dữ liệu biến động lớp phủ mặt đất là 10 năm.</p> <p>- Kết quả giải đoán các đối tượng lớp phủ mặt đất từ dữ liệu viễn thám quang học đạt yêu cầu được xây dựng thành bộ dữ liệu hiện trạng lớp phủ mặt đất.</p> <p>- Xây dựng bộ dữ liệu lớp phủ mặt đất phục vụ tính toán phát thải khí nhà kính.</p>	

Kết quả phân tích bảng 1 cho thấy, có 3 mảng vấn đề có liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập trong các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

*** Những mặt đã đạt được:**

- Về môi trường rừng:

Các thông tin có liên quan về môi trường và môi trường rừng mặc dù không phải là các chỉ số môi trường rừng trực tiếp nhưng đã giúp làm rõ thêm các khái niệm, thành phần và vai trò của các yếu tố môi trường rừng, trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Vấn đề này đã được nêu khá rõ trong Luật Bảo vệ môi trường (2020) và

Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (2017). Ngoài ra, các loại dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) cũng đã được quy định rõ trong Luật Lâm nghiệp (2017) và Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Đây là những quy định rất quan trọng, làm nền tảng cho việc thúc đẩy và phát triển các loại DVMTR trong thực tiễn sản xuất. Bên cạnh đó, các thành tố liên quan đến môi trường rừng cũng đã được Luật Bảo vệ môi trường (2020) đề cập là phát thải khí nhà kính (KNK), tầng ozon và carbon. Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ đề cập đến thích ứng với biến đổi khí hậu, sa mạc hóa, bảo tồn đa dạng sinh học hướng đến mục tiêu phát

triển bền vững. Ngoài ra, Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ cũng quy định lâm nghiệp là lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

- Về chỉ số môi trường rừng:

Trên thực tế hiện tại có rất ít các văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp đề cập cụ thể tới các chỉ số môi trường rừng nhưng lại có khá nhiều văn bản đề cập tới các chỉ tiêu/chỉ số của ngành Lâm nghiệp có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường rừng như: Luật Lâm nghiệp (2017) đã đề cập đến cơ sở dữ liệu rừng trong điều tra và kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, trong đó 2 chỉ số quan trọng đã được đề cập tới là *diện tích rừng và trữ lượng rừng* (Điều 36); Nghị định 156/2018/NĐ-CP đã đề cập tới cấp chứng chỉ rừng (CCR) quốc tế hoặc hệ thống CCR Việt Nam (VFCS), trong đó chỉ số *diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (QLRBV)* là rất quan trọng; Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đề cập đến 2 chỉ số quan trọng là *diện tích rừng tự nhiên* (giữ ổn định đến năm 2030 ít nhất bằng diện tích năm 2020) và *độ che phủ rừng* (tăng độ che phủ rừng toàn quốc lên 45%); Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ đề cập tới việc thúc đẩy cấp CCR ở Việt Nam, hoàn thành việc xây dựng và thực hiện phương án QLRBV, trong đó có chỉ số quan trọng là *diện tích rừng được cấp chứng chỉ* (giai đoạn 2020 - 2030 cấp CCR cho 1.000.000 ha rừng trồng); Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng chính phủ đề cập đến 4 chỉ số là i) *Diện tích rừng có chứng chỉ QLRBV*; ii) *Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc*; iii) *Diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững* và iv) *Diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất*

lượng; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ đề cập đến chỉ số *Tỷ lệ che phủ rừng*; điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến, thiết lập hệ thống giám sát tài nguyên rừng; Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 đề cập tới chỉ số *tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền so với diện tích lãnh thổ đất liền và % diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái được phục hồi*; Quyết định 2782/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019 của Bộ TNMT đã ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó có 2 chỉ số liên quan đến môi trường rừng là: i) *Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp* (Chỉ số 19); ii) *Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá* (Chỉ số 20); Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ NN&PTNT ban hành bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với tổng số 40 chỉ số thuộc 7 nhóm, trong đó có tới 11 chỉ số liên quan đến môi trường rừng (chi tiết xem bảng 1). Đây là bộ chỉ số khá đầy đủ và toàn diện để giám sát, đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp, bao gồm cả *diện tích trồng rừng hàng năm, diện tích rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh; tỷ lệ diện tích rừng trồng gỗ lớn so với diện tích rừng trồng sản xuất; tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; số lượng cây xanh phân tán được trồng,...* Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đưa ra có quy mô tác động không lớn như: *diện tích cây lâm sản ngoài gỗ,...* vì vậy, rất cần phải rà soát và cân nhắc lại để đưa thành chỉ số môi trường rừng của Việt Nam.

Các thông tư hướng dẫn cũng đã đề cập khá cụ thể trực tiếp hoặc gián tiếp tới các chỉ số môi

trường rừng như Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT Quy định về QLRBV tuy không đưa ra những tiêu chí và chỉ số cụ thể về môi trường rừng nhưng đề cập tới trách nhiệm của chủ rừng phải xây dựng và thực hiện phương án QLRBV theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Lâm nghiệp, Bộ tiêu chuẩn QLRBV có nhiều tiêu chí và chỉ số liên quan đến đa dạng sinh học và tính bền vững của rừng; Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NN&PTNT Quy định về Thống kê ngành lâm nghiệp với 13 chỉ số rất đáng quan tâm chú ý, đặc biệt là: *Diện tích rừng trồng mới tập trung, diện tích rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, số lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán, diện tích rừng hiện có, tỷ lệ che phủ rừng, diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng,...*; Thông tư 23/2023/TT-BNN PTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp, các chỉ tiêu quan trọng được đề cập đến là: *Diện tích các trạng thái rừng; sản lượng khai thác gỗ, củi; diện tích rừng bị thiệt hại do cháy, thiên tai, sinh vật gây hại rừng; diện tích biến động giữa các trạng thái rừng; diện tích chuyển đổi đất có rừng sang các loại đất khác và ngược lại,...*; Thông tư số 25/2023/TT-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đề cập đến lớp phủ mặt đất là rừng để phục vụ cho tính toán phát thải khí nhà kính. Đây là chỉ tiêu liên quan nhiều đến diện tích rừng.

- Về chỉ số carbon/ CO_2 rừng:

Đây là vấn đề rất mới và phức tạp nên đến nay chưa nhiều các văn bản quy phạm pháp luật đề cập tới, chỉ có số ít các văn bản đề cập tới một vài khía cạnh có liên quan như Nghị định

2053/2016/NĐ-CP ngày 28/10/2016 của Chính phủ yêu cầu phải thực hiện việc kiểm kê KNK, trong đó yêu cầu ngành NN&PTNT phải thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK. Nghị định này còn đề cập tới một số vấn đề liên quan khả năng tích lũy carbon của rừng như QLRBV, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng, thiết lập hệ thống MRV,... Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ đề cập tới lộ trình xây dựng thị trường carbon, quy định tín chỉ carbon, trao đổi, buôn bán, bù trừ carbon; phân công trách nhiệm cho các bộ ngành thành lập và vận hành sàn giao dịch carbon; Nghị định 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 là văn bản đầu tiên quy định về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ. Theo đó, Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế chuyển giao lại cho Việt Nam 95% lượng phát thải ký kết để sử dụng vào mục tiêu NDC. Lượng giảm phát thải ký kết 10,3 triệu tấn CO_2 và lượng giảm phát thải bổ sung tối đa 5 triệu tấn CO_2 (nếu có) áp dụng cho rừng tự nhiên ở 6 tỉnh Bắc Trung Bộ. Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải xây dựng hệ thống Tiêu chuẩn Quốc gia về CCR, quy định điều tra, đánh giá, theo dõi diễn biến carbon rừng; hấp thụ và lưu giữ carbon rừng; hệ thống chỉ số, khung giám sát chương trình REDD+; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ đề cập đến các chỉ số: i) Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; ii) Tăng tích lũy carbon rừng; Quyết định 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp gồm: Tỷ lệ carbon của sinh khối rừng trên mặt đất, Hệ số mở

rộng và chuyển đổi sinh khối (BCEFi) của rừng gỗ tự nhiên, rừng tre nứa, rừng hỗn giao và rừng ngập mặn; Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ đề cập đến các chỉ số tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia, lượng hấp thụ carbon.

*** Những khoảng trống và tồn tại trong các văn bản pháp luật và định hướng xây dựng chỉ số môi trường và CO₂ rừng**

Có thể thấy, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về cơ bản bước đầu cũng đã đề cập và đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số có liên quan đến môi trường rừng, CO₂ rừng phục vụ cho công tác phát triển bền vững của ngành lâm nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy nhiên, hệ thống các chỉ tiêu này mới chủ yếu phục vụ cho mục tiêu điều tra, kiểm kê rừng, QLRBV, tăng trưởng xanh và giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp nói chung, hoặc phục vụ cho các chương trình cụ thể như chương trình REDD+,... hiện tại chưa có một bộ chỉ số đầy đủ về môi trường rừng cho Việt Nam, đặc biệt là các chỉ số carbon và CO₂ rừng thì hầu như chưa có. Ngoài ra, cũng chưa thấy có sự phân cấp phạm vi áp dụng của các chỉ số. Đây là những vấn đề rất cần được cân nhắc, nghiên cứu kỹ lưỡng và có lộ trình triển khai thực hiện cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Những định hướng cụ thể để xây dựng chỉ số môi trường và CO₂ rừng như sau:

- Nghiên cứu, tổng kết thêm kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là ở những nước phát triển để xây dựng hướng đi và rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
- Đối với các chỉ số đã có sự thống nhất cao trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện

hành như: Độ che phủ rừng,... có thể lựa chọn và đưa vào Bộ chỉ số môi trường rừng luôn.

- Đối với các chỉ số đã được đề cập trong một số ít các văn bản quy phạm pháp luật (mức độ đề cập ít hơn) có thể cân nhắc đưa vào “nhóm các tiêu chí cần rà soát, đánh giá bổ sung thêm”.
- Đối với các chỉ mới, đặc biệt là các chỉ số carbon và CO₂ rừng, cần dựa trên kinh nghiệm quốc tế, tổng kết thực tiễn và định hướng phát triển của Việt Nam làm căn cứ để lựa chọn.
- Đối với từng chỉ số, cần phải xác định phạm vi áp dụng, đánh giá cụ thể để thúc đẩy sản xuất phát triển và có tính khả thi áp dụng trong thực tiễn.
- Trên cơ sở thiết lập một bộ tiêu chí mới, tiến hành đánh giá, phân tích, lấy ý kiến của các bên có liên quan thông qua hội thảo, hội nghị và khảo sát đánh giá thí điểm, kiểm chứng ngoài thực địa ở các địa phương để hoàn thiện.

IV. KẾT LUẬN

Việt Nam đã từng bước xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường rừng, trong đó có 2 Luật, 4 Nghị định của Chính phủ, 9 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 3 Quyết định của các bộ, ngành, 5 Thông tư hướng dẫn. Các văn bản quy phạm pháp luật này đã đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp tới các vấn đề về môi trường, môi trường rừng, chỉ số môi trường và CO₂ rừng, góp phần tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai các nhiệm vụ có liên quan trong thực tiễn. Tuy nhiên, hệ thống các chỉ số đề cập còn khá phân tán và chưa đầy đủ, đặc biệt là các chỉ số về carbon và CO₂ rừng, vì vậy cần thiết phải rà soát và đánh giá lại, nghiên cứu và tổng kết thêm kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn sản xuất để hoàn thiện bộ chỉ số môi trường và CO₂ rừng đưa vào áp dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023. Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT ngày 01/11/2023 quy định bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định về quản lý rừng bền vững.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2019. Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 Quy định về Thống kê ngành lâm nghiệp.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2022. Quyết định số 1382/2022/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 Ban hành bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023. Thông tư 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 quy định đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2019. Quyết định 2782/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019 của Bộ TNMT ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2022. Quyết định 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022 công bố Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023. Thông tư số 25/2023/TT-BTNMT ngày 29/12/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thiết lập bộ dữ liệu lớp phủ mặt đất phục vụ tính toán phát thải khí nhà kính sử dụng dữ liệu viễn thám quang học.
9. Chính phủ, 2016. Nghị định 2053/2016/NĐ-CP ngày 28/10/2016 về việc ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.
10. Chính phủ, 2018. Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
11. Chính phủ, 2022. Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 7/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.
12. Chính phủ, 2022. Nghị định 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ.
13. Thủ tướng Chính phủ, 2017. Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng carbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030.
14. Thủ tướng Chính phủ, 2017. Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.
15. Thủ tướng Chính phủ, 2018. Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 phê duyệt Đề án QLRBV và CCR.
16. Thủ tướng chính phủ, 2021. Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
17. Thủ tướng Chính phủ, 2021. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
18. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

19. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
20. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.
21. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050.
22. Quốc hội Việt Nam, 2020. Luật Bảo vệ môi trường, Luật số: 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
23. Quốc hội Việt Nam, 2017. Luật Lâm nghiệp, Luật số: 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Email tác giả liên hệ: nhtiep.vfco@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/02/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 05/02/2024

Ngày duyệt đăng: 08/02/2024